

Bản án số: 44/2026/HS-ST
Ngày 28/5/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Tuyền
Bà Lê Thị Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Mỹ Dung – Thư ký Tòa án nhân dân KV 5 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Mai Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2026/TLST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1008/2026/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Trần Tuấn H – sinh ngày 09 tháng 9 năm 2006; tại Ninh Bình; Nơi đăng ký thường trú: Xóm I, xã L, tỉnh Ninh Bình; CCCD: 037206001481; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; đảng, đoàn: Không; Con ông Trần Văn C và bà Lương Thị H1; vợ con: Chưa; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Phạm Quang C1, sinh ngày 25 tháng 11 năm 2005; tại Ninh Bình; Nơi đăng ký thường trú: Xóm I, xã L, tỉnh Ninh Bình; CCCD: 037205006264; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; đảng, đoàn: Không; Con ông Phạm Ngọc M và bà Bùi Thị N; vợ con: Chưa; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

*** Những người làm chứng:**

- Anh Phạm Hải N1, sinh năm 2008. Có mặt

Địa chỉ: xóm H, xã L, tỉnh Ninh Bình.

- Anh Nguyễn Ngọc V, sinh năm 2008. Có mặt

Địa chỉ: xóm H, xã L, tỉnh Ninh Bình.

-Bà Phạm Thị T, sinh năm 1987. Vắng mặt

-Nguyễn Thị L, sinh năm 1976. Có mặt

Đều địa chỉ: xóm H, xã L, tỉnh Ninh Bình.

- Anh Bùi Văn H2, sinh năm 1999. Vắng mặt

Địa chỉ: xóm M, xã B, tỉnh Ninh Bình.

*Người đại diện hợp pháp cho N1: Bà Phạm Yên D, sinh năm 1987

Địa chỉ: xóm H, xã L, tỉnh Ninh Bình. Có mặt.

*Người đại diện hợp pháp cho V: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1974

Địa chỉ: xóm I, xã L, tỉnh Ninh Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 04/10/2025, Phạm Hải N1, Nguyễn Ngọc V, Phạm Quang C1 điều khiển 03 xe mô tô (V chở theo Trần Tuấn H) đi trên Quốc lộ A từ địa phận xã P, tỉnh Ninh Bình đến cầu Đ thuộc địa phận xã N, tỉnh Thanh Hóa. Trên đường đi, V nói với N1, C1 và H đến Thanh Hóa chơi, nếu thấy người dân đi đường thì áp sát để trêu chọc thì được H, N1, C1 đồng ý. Khoảng 23 giờ cùng ngày, khi đi đến địa phận thôn L, xã H, tỉnh Thanh Hóa, nhóm của N1 nhìn thấy anh Trần Văn C2 chở theo chị Trần Thị N2, anh Trần Văn C chở theo chị Dương Thị H3 đang đi về hướng xã N, tỉnh Thanh Hóa, H nói với V “*quay lại đi em*” thì V (chở theo H), N1 và C1 lên xe lùa đuổi nhóm của anh C2. Anh C2 và anh C thấy có nhóm người đuổi theo nên sợ, tăng ga bỏ chạy khoảng 600m thì nhóm của N1 đuổi kịp. Anh C2 và anh C quay xe chạy hướng ngược lại được khoảng 100m thì bị nhóm của N1 áp sát nên anh C2 và anh C tiếp tục quay đầu xe chạy hướng ngược lại về phía tỉnh Ninh Bình. Nhóm của N1 tiếp tục quay đầu xe đuổi theo, vòng đi vòng lại 02 lần trên Quốc lộ A. Khi đến gần cầu Đ, Nam hô “*dừng lại*” nhưng anh C2 vẫn tiếp tục điều khiển xe bỏ chạy nên N1 tăng tốc độ, đuổi kịp, áp sát chèn đầu xe và dùng chân đạp vào đầu xe của anh C2 làm anh C2 và phương tiện ngã xuống đường, gây hư hỏng; sau đó N1 tiếp tục điều khiển xe mô tô bỏ đi. Thấy anh C2 bị ngã, xe hỏng không đi được nên anh C dừng lại nhưng anh C2 nói chị N2 lên xe của anh C đi trước, còn anh C2 dắt xe mô tô của mình từ Quốc lộ A, rẽ vào đường bê tông thì xe của C1, H và V chạy vượt qua. Khi phát hiện thấy anh C2, V chở H quay lại, anh C2 sợ, dựng xe mô tô ở ven đường rồi chạy vào đường bê tông trong khu dân cư trốn. V và H đuổi theo nhưng không tìm được nên quay lại vị trí xe của anh C2 đợi. Khi anh C2 quay lại, V và H dùng tay, chân đâm đá vào người anh C2. Lúc này, anh C2 nằm im trên đường, cho rằng anh C2 giả vờ nên V mở cốp xe, lấy túi nilon giả làm con dao và nói “*mày không đứng dậy tao lấy dao đâm cho đấy*” (mục đích để anh C2 ngồi dậy) thì anh C2 ngồi dậy. H tiếp tục chửi

bó, yêu cầu anh C2 lấy điện thoại gọi cho nhóm chị N2 quay lại để trêu nhưng anh C2 nói điện thoại bị rơi khi ngã xe, rồi anh C2 lén lấy điện thoại trong túi quần ném xuống bờ cỏ gần đó. H yêu cầu anh C2 ra tìm điện thoại, còn V sử dụng đèn Flash điện thoại để soi cho anh C2 tìm nhưng anh C2 giả vờ không tìm thấy. V và H bắt anh C2 xuống ruộng lúa ở gần đó để tìm, khi anh C2 đang ở dưới ruộng thì V và H lên xe bỏ đi.

Sau khi thấy V và H đã bỏ đi, anh C2 đi lên đường quốc lộ 10 thì gặp nhóm của chị N2 đi xe taxi đến. Sau đó, anh C2, chị N2, anh C và chị H3 cùng đi về nhà. Trên đường về, chị N2 đã báo cáo Công an xã H, tỉnh Thanh Hóa về sự việc xảy ra.

Về phía Nam, sau khi đạp xe của anh C2 ngã đã bỏ chạy đến cầu Đ, thấy C1 chạy xe đến. C1 nói cho N1 biết việc V và H đang đánh người thanh niên bị ngã xe rồi C1 điều khiển xe mô tô đi về nhà mình còn N1 dừng lại và sử dụng điện thoại gọi điện cho V và nói xe hết xăng nên không đến được.

Sau khi tiếp nhận nguồn tin, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã tiến hành xem xét dấu vết thân thể và trưng cầu giám định thương tích của anh C2 và chị N2, cụ thể như sau:

* Tại Biên bản xem xét dấu vết trên thân thể anh Trần Văn C2 thể hiện:

- Mặt trên bàn chân trái có 02 vết trầy da kích thước lần lượt là (6x2)cm và (2x1)cm;
- Cẳng chân trái có 01 vết trầy da kích thước (7x3)cm;
- Mặt sau cẳng tay trái có 01 vết trầy da hình dạng không đều, dài 13cm, chỗ rộng nhất 4,5cm, chỗ hẹp nhất 1,6cm;
- Vùng bụng dưới sườn bên trái có 01 vết trầy da, kích thước (4x1,2)cm;
- Đỉnh khóp vai trái có 01 vết trầy da kích thước (1x1)cm;
- Vùng đầu phải sau ót có vết bầm tím kích thước (1x1)cm;
- Vùng đùi chân trái gần đầu gối có vết xước da kích thước (2x0,3)cm.

Anh Trần Văn C2 phải điều trị tại Bệnh viện Đ từ ngày 07/10/2025 đến ngày 11/10/2025.

Cơ quan CSĐT đã trưng cầu V1 Bộ C3 giám định tỷ lệ tổn thương trên cơ thể và cơ chế hình thành các tổn thương trên cơ thể của anh Trần Văn C2. Tại Bản kết luận giám định số 8357/KL-KTHS ngày 07/11/2025 của V1 Bộ C3 kết luận:

“- Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Trần Văn C2 tại thời điểm giám định là 08% (tám phần trăm);

- Các tổn thương của anh Trần Văn C2 do vật tày gây ra”.

* Tại Biên bản xem xét dấu vết trên thân thể chị Trần Thị N2 thể hiện:

- Đầu gối chân phải có vết trợt da, bầm tím kích thước (4x3)cm;
- Đầu gối chân trái có 03 vết trợt da, bầm tím, kích thước lần lượt là (3x2)cm, (1x1)cm, (3x3)cm;

- Cẳng tay phải có 01 vết trợt da ở cổ tay, kích thước (1x1)cm, 01 vết tẩy đỏ kích thước (6x2)cm;
- Tay trái có 02 vết thương trợt da, tẩy đỏ, kích thước lần lượt là (18x3)cm, (18x3)cm;
- Hông trái có vết thương trợt da, kích thước (4x2)cm;
- Vùng mặt có 02 vết thương: Trên gò má trái có vết trợt da, kích thước (1x1)cm; trên vành môi có vết trợt da kích thước (2x1)cm.

Chị Trần Thị N2 phải điều trị tại Bệnh viện Đ1 từ ngày 05/10/2025 đến ngày 07/10/2025.

Cơ quan CSĐT đã trưng cầu V1 Bộ C3 giám định tỷ lệ tổn thương trên cơ thể và cơ chế hình thành các tổn thương trên cơ thể của chị Trần Thị N2. Tại bản Kết luận số 8358/KL-KTHS ngày 07/11/2025, V1 Bộ C3 kết luận:

- “- Tỷ lệ tổn thương cơ thể trên người sống đối với Trần Thị N2 là 05%.*
- Tổn thương cổ tay hai bên, khuỷu + cẳng tay trái, bụng – hông trái, gối hai bên là do vật tày gây ra.*
- Vùng gò má trái, môi, cánh tay trái không còn dấu vết thương tích nên không có cơ sở xác định cơ chế hình thành thương tích”.*

Ngày 30/10/2025, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T ban hành Yêu cầu định giá tài sản số D1606/YC-VPCQCSĐT yêu cầu Hội đồng định giá tài sản UBND xã H xác định giá trị thiệt hại của chiếc xe mô tô Honda AirBlade BKS 36AG- 037.67 và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 pro, màu trắng của anh Trần Văn C2 do bị hư hỏng ngày 04/10/2025. Tại Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 12/11/2025 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tổ tụng hình sự xã H, tỉnh Thanh Hóa xác định: Tổng giá trị thiệt hại bị hư hỏng của chiếc xe máy Honda AirBlade, màu đỏ-xám, BKS: 36AG-03767 là 9.500.000đ (Chín triệu năm trăm nghìn đồng); Tổng giá trị thiệt hại bị hư hỏng của chiếc điện thoại di động Iphone 11 Pro, màu trắng là 1.133.000đ (một triệu một trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Ngày 24/11/2025, Cơ quan CSĐT ban hành Quyết định số D1195/QĐ-VPCQCSĐT trưng cầu Phòng K Công an tỉnh T giám định để xác định xe mô tô BKS 36AG- 037.67 có va chạm với cột mốc tại vị trí anh Trần Văn C2 trình bày không? Tại bản Kết luận giám định số 4749/KL-KTHS ngày 11/12/2025, của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: *“Không đủ cơ sở xác định va chạm giữa xe máy Honda AirBlade BKS 36AG- 037.67 với cột mốc tại vị trí anh Trần Văn C2 trình bày”.*

Ngày 16/10/2025, UBND xã H, Công an xã H báo cáo đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T đánh giá vụ việc nêu trên gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân đề nghị xử lý nghiêm minh hành vi của các đối tượng.

Quá trình lấy lời khai những hộ dân xung quanh khu vực các đối tượng lừa đảo

nhóm của C2 ghi nhận: Thời điểm các đối tượng lừa đuổi các hộ dân đã đi ngủ, đóng cửa. Tuy nhiên, sáng ngày hôm sau khi nghe vụ việc xảy ra có tâm lý hoang mang, lo lắng, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương.

Đối với hành vi cố ý gây thương tích, ngày 11/4/2026, anh Trần Văn C2 và chị Trần Thị N2 có đơn rút yêu cầu khởi tố vụ án, đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự và không có yêu cầu gì đối với những người gây thương tích cho mình. Do đó, CQĐT không khởi tố đối với Phạm Hải N1, Nguyễn Ngọc V, Trần Tuấn H về tội gây thương tích.

Bản cáo trạng số 65 /CT-VKSKV4 -TH ngày 05/5/2026 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Thanh Hóa đã truy tố Trần Tuấn H, Phạm Quang C1 về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật hình sự.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo Trần Tuấn H, Phạm Quang C1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Người làm chứng chị T, anh H2 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai phù hợp với nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử.

-Áp dụng khoản 1 Điều 318, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Tuấn H từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

-Áp dụng khoản 1 Điều 318, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Quang C1 từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về vật chứng: Cơ quan CSĐT đã tạm giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, màu trắng, BKS 35K1-682.44; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision BKS 35K1-59534; 01 xe mô tô nhãn hiệu Exciter, BKS 15G1-42796; xe mô tô Honda Ablade BKS 36AG-037.67 và các giấy tờ liên quan đến phương tiện. Sau khi định giá xác định giá trị thiệt hại, Cơ quan CSĐT đã trả lại chiếc xe mô tô BKS 36AG-03767 cho anh Trần Văn C2.

Đối với chiếc xe mô tô BKS: 35K1-682.44 do N1 điều khiển là của chị Phạm Thị T; chiếc xe mô tô BKS 35K1-595.34 là của chị Nguyễn Thị L; chiếc xe mô tô BKS 15G1-427.96 là của anh Bùi Văn H2. Quá trình điều tra làm rõ các chủ phương tiện là bố, mẹ của các bị can đi làm về muộn, để xe ở nhà, các bị can tự ý lấy đi chơi và thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan CSĐT đã trả lại phương tiện và giấy tờ

liên quan cho các chủ sở hữu hợp pháp. Các bị can Nguyễn Ngọc V, Phạm Hải N1 và Phạm Quang C1 điều khiển xe mô tô khi chưa có giấy phép lái xe, là hành vi vi phạm hành chính về lĩnh vực giao thông đường bộ theo quy định tại Nghị định 168/2024/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ; trừ điểm, phục hồi điểm giấy phép lái xe. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T chuyển hồ sơ đến Công an xã H để xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Trần Tuấn H, Phạm Quang C1 nhất trí với bản luận cứ không bào chữa bổ sung hoặc tranh luận thêm gì khác.

Trong phần đối đáp một lần nữa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Thanh Hóa vẫn giữ nguyên quan điểm như đã đề nghị tại Bản luận tội nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và quyết định hình phạt theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để cho các bị cáo có cơ hội sửa chữa, lỗi lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng :

- Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 -Thanh Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Tại phiên tòa người làm chứng chỉ T, anh H2 vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc xét xử của vụ án. Đối với những người làm chứng có mặt tại phiên tòa trình bày như nội dung đã khai trong quá trình điều tra, không có ý kiến bổ sung gì thêm. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung :

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo ở giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, kết luận giám định pháp y về thương tích, kết luận giám định về hình ảnh lưu giữ, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở khẳng định:

Khoảng 23 giờ ngày 04/10/2025, tại Quốc lộ A, thuộc địa phận thôn L, xã H, tỉnh Thanh Hóa, Nguyễn Ngọc V, Phạm Hải N1, Trần Tuấn H và Phạm Quang C1 có hành vi điều khiển xe mô tô tay ga lùa, đuổi theo hai xe mô tô do anh Trần Văn C2 và anh Trần Văn C điều khiển (vòng đi vòng lại nhiều lần trên Quốc lộ A) để trêu chọc và áp sát chèn đầu xe dùng chân đạp vào đầu làm đầu xe và phương tiện của anh C2 ngã xuống đường. Gây tâm lý hoang mang, lo sợ cho người đi đường và người dân xung quanh tuyến đường quốc lộ 10, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

Do đó, hành vi phạm tội nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 318 của Bộ luật hình sự đối với H, C1 có khung hình phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm như Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Thanh Hóa truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang, lo sợ, bức xúc trong quần chúng nhân dân và chính quyền địa phương, xâm phạm sức khỏe của người khác, do đó cần phải xử lý nghiêm.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không có sự bàn bạc và cấu kết chặt chẽ nên không thuộc trường hợp “Phạm tội có tổ chức. Người khởi xướng và thực hành tích cực trong vụ án này là Nguyễn Ngọc V và Phạm Hải N1, tuy nhiên, V và N1 đã được áp dụng biện pháp xử lý chuyên hướng. Các bị cáo Trần Tuấn H và Phạm Quang C1 đều phạm tội với vai trò tiếp theo là người thực hành, trong đó, hành vi phạm tội của H cùng với V dùng xe mô tô vượt đuổi theo anh C2 và chửi bới anh C2. Nên khi xem xét tính chất mức độ, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ cần cho H mức hình phạt cao hơn C1.

[4].Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5].Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Trần Tuấn H, Phạm Quang C1 tham gia ủng hộ quỹ nhân đạo nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6].Về áp dụng hình phạt đối với các bị cáo:

Các bị cáo Trần Tuấn H, Phạm Quang C1 chưa có tiền án tiền sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần phạm tội lần này các bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nơi cư trú. Vì vậy, các bị cáo thỏa mãn các điều kiện được hưởng án treo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự và mục 3 Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo. Do đó, các bị cáo không phải chấp hành hình phạt tù mà cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát và giáo dục các bị cáo cũng đủ tác dụng răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[7]. Trong vụ án này, các đối tượng Nguyễn Ngọc V, Phạm Hải N1 bị cáo phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Thanh Hóa đã áp dụng biện pháp xử lý chuyên hướng đối với người chưa thành niên phạm tội.

Đối với hành vi cố ý gây thương tích, ngày 11/4/2026, anh Trần Văn C2 và chị Trần Thị N2 có đơn rút yêu cầu khởi tố vụ án, đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự và không có yêu cầu gì đối với những người gây thương tích cho mình. Do đó, CQĐT không khởi tố đối với Phạm Hải N1, Nguyễn Ngọc V, Trần Tuấn H về tội gây thương tích. Xét thấy yêu cầu là tự nguyện, khách quan. Nên HĐXX miễn xét.

[8]. Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã xác minh các bị cáo khi sử dụng xe không phải là chủ sử dụng hợp pháp. Chủ sử dụng không biết nên đã trả lại vật chứng theo quy định của pháp luật. HĐ xét xử miễn xét.

[9]. *Về án phí*: Các bị cáo là người bị kết án và không thuộc trường hợp được miễn án phí nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Trần Tuấn H, Phạm Quang C1 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

1. Căn cứ khoản 1 Điều 318, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Điều 17, Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Tuấn H 12 (*mười hai*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24(*hai mươi tư*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 318, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Quang C1 10(*mười*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20(*hai mươi*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Trần Tuấn H, Phạm Quang C1 cho UBND xã L, tỉnh Ninh Bình

để quản lý, giám sát, giáo dục. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo Trần Tuấn H, Phạm Quang C1 cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa.
- VKSND KV5 – Thanh Hóa.
- Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa.
- Cơ quan THAHS công an tỉnh Thanh Hóa.
- THA dân sự tỉnh Thanh Hóa.
- Các bị cáo;
- Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Phương

